

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : **27** /2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng **7** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý rừng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1522/SNN-CCKL ngày 02 tháng 6 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3802/BC-STP-VB ngày 17 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 và thay thế Quyết định số 65/2000/QĐ-UB-NN ngày 28 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: Các PCVP;
- VPUB: Các Phòng NCTH; TTCB TP;
- Lưu: VT, (KT/Linh). 65 .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể nhiệm vụ quản lý về rừng, đất chưa có rừng, nâng cao trách nhiệm và khuyến khích các tổ chức, cá nhân bảo vệ, phát triển rừng, phát huy các lợi ích của các loại rừng trên địa bàn Thành phố.
2. Những nội dung liên quan đến quản lý rừng nhưng không quy định trong quy chế này được áp dụng theo các quy định, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và quy trình kỹ thuật hiện hành.
3. Các hoạt động khác không phải lâm nghiệp nhưng thực hiện trong rừng, ven rừng, ngoài việc phải thực hiện theo Quy chế này còn phải thực hiện các quy định khác của Nhà nước về quản lý đất đai và môi trường.
4. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong quy chế này được điều chỉnh bởi các quy định mới thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành của Thành phố.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng.
3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và sử dụng, phát triển rừng trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Các loại rừng

Rừng trên địa bàn Thành phố được xác lập với các chức năng, như sau:

1. Rừng đặc dụng: Rừng thực nghiệm, Vườn Thực vật.
2. Rừng phòng hộ: Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; Rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước thuộc lưu vực sông Sài Gòn; Rừng phòng hộ chắn gió khu đô thị, khu công nghiệp.
3. Rừng sản xuất: Rừng đạt tiêu chí về rừng trồng theo Điều 5 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP nhưng không thuộc phạm vi quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỪNG

Điều 4. Nguyên tắc quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý thống nhất hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố; chịu trách nhiệm về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng theo quy định của pháp luật, phù hợp quy hoạch chung của Thành phố.

2. Các Sở, ngành Thành phố liên quan có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo chuyên ngành đảm trách, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện có rừng tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, lãnh đạo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã có rừng thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo phân cấp, pháp luật hiện hành.

4. Chi cục Kiểm lâm Thành phố, trực tiếp là các Hạt, Đội Kiểm lâm địa bàn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

Điều 5. Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ

1. Các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố được giao tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng thống nhất bởi Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Thành phố là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo quy định của pháp luật, thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng rừng thuộc phạm vi địa bàn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao.

Điều 6. Tổ chức quản lý rừng sản xuất

Các tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao thuê đất để phát triển rừng sản xuất là chủ rừng trực tiếp quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển ổn định rừng sản xuất.

Công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng sản xuất được đảm bảo theo nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp chung của Thành phố.

Chương III

NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Điều 7. Quản lý, bảo vệ rừng

1. Thực hiện quản lý rừng bền vững, quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có, thực hiện các biện pháp để bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.

2. Thực hiện theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, bảo vệ hệ sinh thái rừng, thực vật rừng, động vật rừng. Thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

3. Xây dựng, phát huy hiệu quả của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng, đấu tranh ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

Điều 8. Sử dụng rừng

1. Khai thác lâm sản với các hình thức khai thác chính, tận thu, tận dụng phù hợp với loại hình rừng theo đúng quy định về điều kiện sử dụng rừng được quy định tại Chương VI của Luật Lâm nghiệp.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong rừng được thực hiện theo đề tài, dự án, kế hoạch được duyệt.

3. Khai thác các giá trị môi trường rừng qua tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững được duyệt, triển khai các dịch vụ cung ứng môi trường rừng.

4. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Phát triển rừng

1. Phát triển diện tích có rừng, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của rừng.

2. Kết hợp trồng mới rừng với thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong xúc tiến tái sinh tự nhiên, cải tạo rừng tự nhiên, cải tạo rừng trồng, trồng bổ sung, nuôi dưỡng, làm giàu rừng trồng phù hợp với các hiện trạng rừng trên địa bàn.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ RỪNG

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Ban hành theo thẩm quyền chương trình, dự án phát triển rừng bền vững;

b) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, chương trình, dự án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp tại địa phương;

c) Hoạt động của Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ;

d) Chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trồng rừng thay thế;

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện

- a) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về lâm nghiệp;
- b) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển làm giàu chất lượng rừng;
- c) Đầu mối hợp tác quốc tế về rừng;
- d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên phạm vi địa bàn Thành phố.

4. Chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Thành phố

- a) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; tổ chức, xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng.
- c) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình đề án phát triển làm giàu nâng cao chất lượng rừng theo hướng bền vững theo quy định;
- d) Cấm mốc, bảng phân định ranh giới rừng trên thực địa và quản lý, bảo vệ mốc, bảng thuộc phạm vi quản lý của mình;
- đ) Phối hợp chặt chẽ với Kiểm lâm và chính quyền, đoàn thể tại địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng;
- e) Tổ chức nghiên cứu thực nghiệm các hoạt động, các mô hình đem lại sinh kế, tăng giá trị vùng rừng cho Nhân dân trên địa bàn;
- g) Thực hiện quy định về kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng.

Điều 11. Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Thực hiện nhiệm vụ làm đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan khoa học, huyện Cần Giờ, chủ rừng và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước, để thực hiện việc bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái của một Khu Dự trữ sinh quyển thế giới. Đảm bảo cụ thể xuyên suốt các tiêu chí đã được công nhận là một Khu Dự trữ sinh quyển thế giới của rừng phòng hộ Cần Giờ.

b) Là đơn vị chủ trì làm đầu mối trong quan hệ phối hợp với Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB) thuộc UNESCO, Ủy ban Quốc gia Chương trình con người và Sinh quyển Việt Nam (MAB VIỆT NAM) và Mạng lưới các Khu Dự trữ sinh quyển Thế giới.

c) Xây dựng báo cáo cung cấp thông tin định kỳ theo yêu cầu của Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB).

2. Chủ trì xây dựng thực hiện các chiến lược, kế hoạch cho phát huy các chức năng bảo tồn, phát triển và hỗ trợ của Khu Dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ.

3. Phối hợp giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng về bảo tồn thiên nhiên, phối hợp với các cơ quan chức năng phát triển giá trị tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa trong Khu Dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ.

Điều 12. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giao, thuê đất cho phát triển rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn việc rà soát biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy hoạch lâm nghiệp được phê duyệt.

2. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức quản lý về

a) Bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường rừng.

b) Quản lý về chuyên ngành các khu đất ngập nước trong vùng rừng.

Điều 13. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính

1. Tổng hợp đề xuất, rà soát, cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố để thực hiện các dự án đầu tư cho công tác lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố (trên cơ sở các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt) theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối vốn của Thành phố.

2. Đảm bảo nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi phí theo phân cấp ngân sách cho công tác lâm nghiệp trên địa bàn.

Điều 14. Công an Thành phố

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trực tiếp là Chi cục Kiểm lâm), Bộ Tư lệnh Thành phố xây dựng quy chế, kế hoạch phối hợp trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng. Tổ chức thực hiện tốt nội dung các quy chế, kế hoạch đã xây dựng.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan Kiểm lâm trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của đơn vị quản lý rừng, chủ rừng và các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; hướng dẫn các đơn vị quản lý rừng, chủ rừng trong việc rà soát xây dựng phương án chữa cháy rừng và thực tập phương án chữa cháy rừng; đồng thời tham mưu phương án huy động lực lượng phương tiện tài sản của các cơ quan, tổ chức hộ gia đình, cá nhân tại địa phương tham gia xử lý tình huống cháy rừng có quy mô lớn, diễn biến phức tạp và tổ chức thực tập; diễn tập phương án để chủ động ứng phó kịp thời, có hiệu quả các tình huống cháy rừng.

4. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với lực lượng Kiểm lâm hướng dẫn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy rừng, huấn luyện sử dụng vũ khí công cụ hỗ trợ cho các tổ đội quân chủng bảo vệ rừng của các chủ rừng.

5. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng tiến hành truy quét, ngăn chặn và xử lý các vụ phá rừng, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật tại các địa bàn trọng điểm, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

Điều 15. Bộ Tư lệnh Thành phố

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an Thành phố thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

2. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự huyện khu vực rừng, phối hợp với Công an huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện xây dựng kế hoạch phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng ở địa phương; huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia chữa cháy rừng theo phương án hiệp đồng khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Ủy ban nhân dân huyện có rừng

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp tại địa phương.

2. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương.

3. Tổ chức thực hiện việc rà soát phân loại các loại đất được quy hoạch cho phát triển rừng tại địa phương theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng hằng năm tại địa phương.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp tại địa phương.

6. Chỉ đạo lực lượng Công an, Quân đội, Kiểm lâm thực hiện tốt quy chế phối hợp 03 lực lượng trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; xây dựng kế hoạch tuần tra,

kiểm tra, truy quét phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật và Luật Lâm nghiệp; giám sát sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn để ngăn chặn mọi hành vi gây thiệt hại đến rừng; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công tác bảo vệ rừng tại địa phương, huy động lực lượng trên địa bàn giúp các chủ rừng ngăn chặn mọi hành vi phá hoại rừng.

7. Tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng theo chế độ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật; yêu cầu các chủ rừng thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

8. Phân công trách nhiệm và chỉ đạo kiểm tra thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đối với các tổ chức trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; thực hiện hòa giải các tranh chấp và giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

10. Đảm bảo nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi theo phân cấp ngân sách cho công tác lâm nghiệp trên địa bàn.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 17. Ủy ban nhân dân xã có rừng

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về lâm nghiệp.

3. Quản lý diện tích, ranh giới các khu rừng; các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng trên địa bàn.

4. Tổ chức việc lập và thực hiện kế hoạch, phương án bảo vệ rừng, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp huyện phát triển được mà chưa giao, chưa cho thuê.

6. Hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Chỉ đạo Công an, Quân sự xã, Kiểm lâm địa bàn thực hiện tốt quy chế phối hợp 03 lực lượng trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

8. Tổ chức các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng với nòng cốt là lực lượng Dân quân tự vệ; huy động các lực lượng trên địa bàn kịp thời ngăn chặn các hành vi phá rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương án bốn tại chỗ (chỉ huy, lực lượng, phương tiện, hậu cần); kịp thời báo cáo lên cấp trên đối với vụ việc khi vượt quá tầm kiểm soát của xã.

9. Chỉ đạo cán bộ phụ trách tài nguyên và môi trường của xã phối hợp với Kiểm lâm phụ trách địa bàn thường xuyên kiểm tra việc sử dụng rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn; ngăn chặn, xử lý các hành vi lấn, chiếm, sử dụng sai mục đích rừng và đất quy hoạch để trồng rừng theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã liên kết thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng vùng giáp ranh.

11. Tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng theo chế độ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật; yêu cầu các chủ rừng thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

12. Xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đất đai trong khu vực rừng; thực hiện hòa giải các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

13. Đảm bảo nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi theo phân cấp ngân sách cho công tác lâm nghiệp trên địa bàn.

14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ rừng rừng sản xuất

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ rừng trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; phối hợp với Kiểm lâm và các lực lượng khác trên địa bàn để bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng.

3. Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định đem lại giá trị sử dụng rừng cao đóng góp cho phát triển kinh tế lâm nghiệp của Thành phố.

Chương V

ĐẦU TƯ CHO RỪNG

Điều 19. Chính sách đầu tư

Thành phố bảo đảm ngân sách đầu tư theo phân cấp ngân sách cho các hoạt động sau:

1. Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ
 - a) Hoạt động quản lý của các Ban Quản lý rừng;
 - b) Trồng, chăm sóc, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng;
 - c) Kiểm kê, theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng và công bố hiện trạng rừng;
 - d) Quản lý thông tin về lâm nghiệp và cơ sở dữ liệu về rừng;
 - đ) Su thu tập tiêu bản thực vật rừng, động vật rừng;
 - e) Nghiên cứu khoa học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
 - g) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;
 - h) Kiểm tra, ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa và xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;
 - i) Xây dựng và triển khai phương án quản lý rừng bền vững;
 - k) Giao rừng, cắm mốc ranh giới rừng.
2. Bảo vệ và cứu hộ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
 - a) Theo dõi, giám sát và tổ chức cứu hộ các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
 - b) Mua sắm trang thiết bị giám sát, cứu hộ, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
 - c) Chăm sóc, nuôi dưỡng các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
3. Nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp
 - a) Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; nghiên cứu tổng hợp lựa chọn giải pháp cho chuyển hóa làm giàu nâng cao chất lượng các loại rừng trên địa bàn;
 - b) Nghiên cứu, bảo tồn các hệ sinh thái rừng, định giá rừng, xác định giá trị dịch vụ môi trường rừng;
 - c) Nghiên cứu giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học đối với các hệ sinh thái rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu.
4. Mua sắm phương tiện, trang bị, thiết bị bảo vệ rừng; quan trắc, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.
5. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ
 - a) Đường giao thông, đường tuần tra bảo vệ rừng; trong phạm vi ranh giới của Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Thành phố;

b) Văn phòng làm việc, nhà công vụ cho cán bộ tạm trú, trạm bảo vệ rừng; trung tâm cứu hộ kết hợp chữa động vật hoang dã; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; nhà bảo tàng động vật, thực vật rừng; các công trình phục vụ nghiên cứu khoa học;

c) Đường ranh cản lửa, chòi canh lửa rừng, trạm quan sát, dự báo lửa rừng; kênh mương, cầu, cống, bể, bồn chứa nước, đập, hồ chứa và đường ống dẫn nước phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy rừng;

d) Biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng;

đ) Kho, bãi tập kết nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác bảo vệ, phát triển rừng; bến tàu, thuyền đối với địa điểm văn phòng, trạm bảo vệ rừng nằm cạnh sông, biển;

e) Hệ thống điện độc lập (điện mặt trời, điện gió) trong trường hợp nơi đặt Trạm Kiểm lâm, Trạm Quản lý bảo vệ rừng không có hệ thống điện lưới quốc gia; hệ thống thông tin liên lạc;

g) Các công trình phục vụ cho quản lý và bảo vệ rừng khác.

6. Điều tra cơ bản về lâm nghiệp, xây dựng các chương trình, đề án phát triển lâm nghiệp.

7. Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến và cơ sở dữ liệu rừng.

8. Duy trì và phát triển Vườn thực vật Thành phố theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

9. Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển thế giới rừng ngập mặn Cần Giờ.

10. Đối tượng, mức đầu tư và trình tự đầu tư được áp dụng theo quy định của cấp Trung ương. Trong từng thời kỳ trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể.

Điều 20. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư theo phân cấp ngân sách cho các hoạt động sau đây:

1. Xây dựng phương án, triển khai công tác quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng sản xuất.

2. Xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao, vườn ươm giống cây rừng.

3. Xây dựng đường lâm nghiệp tại những khu, vùng rừng sản xuất có quy mô tập trung từ 500 ha trở lên.

4. Xây dựng các công trình bảo vệ rừng (chòi canh lửa, biển báo, đường băng cản lửa) tại những khu rừng sản xuất có quy mô tập trung từ 500 ha trở lên.

5. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cho chủ rừng
- a) Sản xuất, kinh doanh giống;
 - b) Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng;
 - c) Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin trong quản lý, bảo vệ và theo dõi diễn biến rừng;
 - d) Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng.
6. Đối tượng, mức hỗ trợ và trình tự hỗ trợ đầu tư được áp dụng theo quy định của cấp Trung ương. Trong từng thời kỳ trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể theo từng chương trình, đề án, kế hoạch được phê duyệt.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thực hiện:

1. Đề án kiện toàn về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn Thành phố.
2. Phân bổ biên chế về quản lý và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Thành phố.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có rừng chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này đến cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân địa phương và chủ rừng để tổ chức triển khai thực hiện.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các ngành, các cấp phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.